

Số: 09 /BC-ĐDBQH

Bắc Kạn, ngày 30 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO

Giám sát chuyên đề “Việc thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội” trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Thực hiện Nghị quyết số 90/2023/QH15 ngày 08/6/2023 của Quốc hội về Chương trình giám sát của Quốc hội năm 2024; Kế hoạch chi tiết số 544/KH-ĐGS ngày 06/10/2023 của Đoàn giám sát Quốc hội khóa XV về giám sát chuyên đề “Việc thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội và các nghị quyết của Quốc hội về một số dự án quan trọng quốc gia đến hết năm 2023”, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn đã chủ trì, phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh xây dựng, ban hành Kế hoạch và Quyết định thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “Việc thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội” trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn¹. Theo đó, Đoàn giám sát đã tiến hành giám sát, khảo sát tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương². Kết quả cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 43

Qua giám sát, tỉnh Bắc Kạn không ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (Nghị quyết số 43/2022/QH15).

¹ Kế hoạch số 83/KH-ĐDBQH ngày 18/12/2023, Quyết định số 07/QĐ- ĐDBQH ngày 25/12/2023.

² - Giám sát trực tiếp tại: Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Y tế, Cục Thuế, Ngân hàng Chính sách xã hội, UBND thành phố Bắc Kạn, UBND huyện Chợ Đồn, UBND huyện Chợ Mới.

- Giám sát gián tiếp qua báo cáo đối với các đơn vị: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện: Bạch Thông, Ngân Sơn, Na Rì, Ba Bể, Pác Nặm.

- Khảo sát tại Trung tâm y tế huyện Chợ Đồn, Trạm y tế phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Để triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình (Nghị quyết số 11/NQ-CP), Văn bản số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội (đợt 2)³. Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bắc Kạn đã trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh ban hành 03 Nghị quyết⁴ về chủ trương đầu tư các dự án trong lĩnh vực y tế, nhằm đảm bảo tốt về cơ sở hạ tầng, môi trường làm việc và nâng cao chất lượng công tác khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn tỉnh, đặc biệt trong bối cảnh phòng, chống dịch bệnh COVID-19, góp phần giảm tải cho các bệnh viện tuyến trên. Thời gian, tiến độ thực hiện các dự án trên là năm 2022-2023.

Tuy nhiên, hết thời gian thực hiện, các dự án trên chưa hoàn thành, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh Bắc Kạn ban hành Nghị quyết⁵, trong đó có nội dung thống nhất điều chỉnh thời gian thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo 03 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Bắc Kạn; dự án đầu tư xây dựng 04 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bắc Kạn; dự án đầu tư mua sắm bổ sung trang thiết bị cho 08 Trung Y tế tuyến huyện, tỉnh Bắc Kạn, từ năm 2022 đến năm 2024.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, CHÍNH SÁCH QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 43

A. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu và công tác tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết số 43

1. Kết quả đạt được

1.1. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu

a) Đánh giá tác động cụ thể của việc thực hiện Nghị quyết số 43 đến phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

³ Trong đó kế hoạch vốn cho tỉnh Bắc Kạn đầu tư nâng cao năng lực y tế dự phòng, y tế cơ sở, dự kiến số vốn đầu tư từ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội thuộc lĩnh vực y tế giai đoạn 2022-2023 là 154.000 triệu đồng với ba dự án: dự án Đầu tư nâng cấp, cải tạo 03 Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Bắc Kạn là 82.349 triệu đồng; dự án đầu tư xây dựng 04 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bắc Kạn là 18.151 triệu đồng; dự án đầu tư mua sắm bổ sung trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Bắc Kạn là 53.500 triệu đồng.

⁴ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Đầu tư nâng cấp, cải tạo 03 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Bắc Kạn; Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng 04 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bắc Kạn; Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Đầu tư mua sắm bổ sung trang thiết bị cho 08 Trung Y tế tuyến huyện, tỉnh Bắc Kạn.

⁵ Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 về kỳ họp thứ 16 Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, nhiệm kỳ 2021- 2026.

Trong bối cảnh tình hình đất nước khó khăn để giải quyết những tình huống, thách thức về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh COVID-19, việc Quốc hội ban hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 với những cơ chế, chính sách hỗ trợ phục hồi sản xuất kinh doanh, kịp thời ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, cùng với đó là giải quyết các vấn đề về xã hội, về đời sống của người dân, an ninh trật tự là vô cùng cần thiết. Các cơ chế chính sách trong Nghị quyết số 43/2022/QH15 đã đi vào thực tiễn và phát huy hiệu quả, kịp thời hỗ trợ những đối tượng gặp khó khăn trong cuộc sống, trong sản xuất kinh doanh, kích thích, thúc đẩy phục hồi và tăng trưởng của nền kinh tế.

Với tỉnh Bắc Kạn, sau 02 năm thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Kinh tế của tỉnh tiếp tục phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế năm sau cao hơn năm trước; nông nghiệp phát triển ổn định, an ninh lương thực được đảm bảo; công nghiệp - xây dựng phát triển khá; thương mại, dịch vụ, du lịch phục hồi và tăng trưởng; công tác phòng, chống dịch, nhất là dịch COVID-19 được kiểm soát hiệu quả và kịp thời; các chính sách an sinh xã hội được quan tâm, đời sống Nhân dân ổn định; môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng được cải thiện; quốc phòng, an ninh được giữ vững.

b) Về thực hiện chỉ tiêu phục hồi, phát triển và tăng trưởng⁶:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2022 đạt 6,0% (trong đó: nông - lâm nghiệp - thủy sản tăng 3,83%; công nghiệp - xây dựng tăng 8,96%; dịch vụ tăng 6,25%⁷). Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2023 đạt 6,33%, xếp thứ 6 trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc và xếp thứ 33 so với cả nước (trong đó: nông - lâm nghiệp - thủy sản tăng 3,45%; công nghiệp - xây dựng tăng 9,16%; dịch vụ tăng 7,13%). Năm 2023, tổng sản phẩm GRDP của tỉnh (theo giá so sánh năm 2010) đạt 8.840 tỷ đồng, tăng trưởng 6,33%, bằng 99,4% kế hoạch. Tổng sản phẩm theo giá hiện hành đạt 16.423 tỷ đồng; GRDP bình quân khoảng 50,3 triệu đồng/người, đạt 101% kế hoạch, tăng 04 triệu đồng so với năm 2022.

- Hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp có chuyển biến tích cực. Đến hết năm 2023, sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người đạt 521 kg/người/năm, bằng 104% kế hoạch. Trồng rừng mới 5.203 ha, bằng 129% kế

⁶ Theo Báo cáo số 38/BC-UBND ngày 22/01/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn về kết quả thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội; Văn bản số 713/UBND-TH ngày 29/01/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung số liệu tại Báo cáo số 38/BC-UBND ngày 22/01/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn.

⁷ Theo Báo cáo số 868/BC-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ và tình hình kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh tháng 12 và cả năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

hoạch; sản lượng khai thác gỗ các loại 337.914/310.000 m³, đạt 109% kế hoạch, tăng 11% so với năm 2022.

- Khu vực công nghiệp phát triển khá, giá trị sản xuất công nghiệp năm 2022 đạt 1.586 tỷ đồng; năm 2023 đạt 1.773 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch.

- Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn tăng trưởng khá cao, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2022 là 6.776 tỷ đồng; năm 2023 là 9.108 tỷ đồng, đạt 130% kế hoạch, tăng 33% so với năm 2022. Du lịch phục hồi nhanh, trong 02 năm toàn tỉnh đón khoảng 1,237 triệu lượt khách, số khách năm sau tăng gần gấp đôi so với năm trước; tổng doanh thu từ khách du lịch trong 02 năm đạt khoảng 865 tỷ đồng. Hoạt động xuất nhập khẩu của tỉnh Bắc Kạn trong 02 năm có bước phát triển khá, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 71,4 triệu USD.

- Tổng thu ngân sách nhà nước 02 năm đạt 1.764,808 tỷ đồng (năm 2022 đạt 855,770 tỷ đồng, năm 2023 đạt 909,038 tỷ đồng). Tổng chi ngân sách địa phương năm 2022 đạt 9.525,8 tỷ đồng; năm 2023 đạt 8.523 tỷ đồng.

- Công tác đầu tư xây dựng cơ bản được quan tâm chỉ đạo, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân các công trình, dự án. Giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 là 2.034,6/2.648 tỷ đồng, đạt 76,8% kế hoạch; giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 (đến 31/12/2023) là 2.421,6/2.801,9 tỷ đồng, đạt 86,4% kế hoạch.

- Công tác lao động, việc làm được triển khai thực hiện hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch. Trong 02 năm, đã giải quyết việc làm cho 16.095 người lao động (năm 2022 đạt 8.095 người, năm 2023 đạt 8.000 người); thực hiện tuyển sinh và đào tạo nghề cho 20.292 người. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đạt 102%; bảo hiểm xã hội thất nghiệp đạt 101%. Tỷ lệ giảm nghèo giảm qua các năm (năm 2022 đạt 2,76%; năm 2023 đạt 2,4%; tỷ lệ giảm nghèo tại các huyện nghèo năm 2022 đạt 3,45%; năm 2023 đạt 3,38%; tỷ lệ giảm nghèo dân tộc thiểu số đạt 3,45%).

c) Về tiết giảm chi phí, hỗ trợ dòng tiền tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và người dân.

Các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, gia hạn thời gian nộp thuế cho các doanh nghiệp... trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Nghị quyết số 11/NQ-CP, ngành Thuế đã triển khai đến các doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn người nộp thuế biết và thực hiện.

Hoạt động của các ngân hàng duy trì ổn định, đáp ứng nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Đến 31/12/2023, tổng huy động vốn đạt 14.473 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2022; tổng dư nợ tín dụng đạt 12.851 tỷ đồng, tăng 8,4%

so với năm 2022. Các chính sách cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất được quan tâm, thực hiện hiệu quả, góp phần bảo đảm an sinh xã hội.

d) Về phòng, chống dịch COVID-19 hiệu quả, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được tập trung chỉ đạo; cơ sở vật chất được quan tâm đầu tư, củng cố, cơ bản đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của Nhân dân. Đến hết năm 2023, tỷ lệ số xã đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã của tỉnh đạt 100%. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 97%; tổng số giường bệnh/vạn dân đạt trên 31,65 giường; số bác sỹ/1 vạn dân đạt 16,9 bác sỹ.

Trong 02 năm, tỉnh Bắc Kạn duy trì thực hiện nghiêm công tác phòng chống dịch COVID-19. Thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành quy định tạm thời “*Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19*”, UBND tỉnh Bắc Kạn đã chỉ đạo xây dựng và ban hành Kế hoạch số 698/KH-UBND ngày 19/11/2021 về thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Tính từ đầu đợt dịch đến nay toàn tỉnh ghi nhận: Cộng dồn số ca mắc mới 80.661 ca, trong đó đã khỏi bệnh 80.599 ca; cộng dồn chuyên tuyến Trung ương 33 ca, cộng dồn tử vong 28 ca. Tổng số vắc xin được Bộ Y tế phân bổ 815.992 liều, đã tiếp nhận 815.992 liều. Tổng số mũi tiêm trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến hiện tại là 834.883 mũi. Tỷ lệ mũi tiêm so với vắc xin được phân bổ đạt 102,31%.

- Công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội tỉnh Bắc Kạn được giữ vững: Cơ quan quân sự tổ chức duy trì thực hiện nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, cứu hộ cứu nạn ở tất cả các cấp; hàng năm công tác tuyển quân đạt 100% kế hoạch. Lực lượng công an thường xuyên theo dõi sát tình hình, ứng phó kịp thời các tình huống; thực hiện đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm các loại tội phạm, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

1.2. Đánh giá về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

UBND tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ⁸, chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 43/2022/QH15, Nghị quyết số 11/NQ-CP, trong đó đã đề ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với nâng cao năng lực y tế, phòng, chống dịch bệnh; bảo đảm an sinh xã hội và hỗ trợ việc làm; hỗ trợ phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; cải cách thể chế, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; thực hiện giao kế

⁸ Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 21/3/2022.

hoạch vốn từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội cho các dự án đúng quy định Nghị quyết số 584/NQ-UBTVQH15 ngày 31/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương năm 2022 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Quyết định số 1198/QĐ-TTg ngày 12/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2022 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương và Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 08/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Mặc dù tình đã rất khẩn trương, quyết liệt trong công tác chỉ đạo, điều hành, tuy nhiên công tác giải ngân vốn đầu tư công và thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia chưa đạt tiến độ theo kế hoạch, tỷ lệ giải ngân đạt thấp (*đến thời điểm báo cáo, vốn đầu tư năm 2022 kéo dài sang năm 2023 đạt 78%, vốn năm 2023 đạt 65,6%⁹*).

- Công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh chưa đạt so với dự toán tỉnh giao; tiến độ chi ngân sách địa phương còn chậm.

- Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa còn thấp, trong đó chủ yếu là do sụt giảm lượng xuất khẩu hàng hóa; hoạt động xuất, nhập khẩu năm 2023 có xu hướng giảm so với năm 2022 (giảm 16,64% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 78,5% so với kế hoạch năm 2023).

- Nền kinh tế phục hồi chậm, nhiều doanh nghiệp, cơ sở sản xuất hoạt động cầm chừng; số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã giải thể, ngừng hoạt động còn cao¹⁰, công tác thu hút đầu tư gặp nhiều khó khăn, số lượng dự án đầu tư ngoài ngân sách đăng ký có xu hướng giảm.

2.2. Nguyên nhân và trách nhiệm

a) Nguyên nhân khách quan

- Nguồn vốn thực hiện 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 được giao muộn (cuối tháng 05/2022 Trung ương mới phân bổ kế hoạch vốn);

⁹ Vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đạt 79,3% kế hoạch; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt 79,7% kế hoạch; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt 74% kế hoạch; vốn năm 2023: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đạt 42% kế hoạch; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt 72,5% kế hoạch; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt 62,6% kế hoạch.

¹⁰ Trong 02 năm, 122 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, 20 doanh nghiệp và 25 hợp tác xã giải thể. Đến nay, có 359 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, đang làm thủ tục phá sản, giải thể/1.398 tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, chiếm 25,7%.

một số văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền chưa được ban hành kịp thời; khó khăn, vướng mắc về cơ chế chậm được giải quyết.

- Sự suy giảm của nền kinh tế nói chung tác động sâu sắc đến tình hình kinh tế của tỉnh, kim ngạch xuất khẩu giảm, lạm phát làm cho giá cả nguyên vật liệu tăng cao ảnh hưởng đến tiến độ các dự án xây dựng cơ bản, hoạt động sản xuất nông nghiệp, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Cấp chính quyền một số đơn vị, địa phương có lúc chưa thực sự quyết liệt, sát sao trong công tác chỉ đạo, điều hành; năng lực chuyên môn của một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế, chưa chủ động, linh hoạt trong xử lý công việc. Tiến độ lập các quy hoạch còn chậm, làm ảnh hưởng đến công tác thu hút đầu tư ngoài ngân sách.

- Công tác phối hợp giữa các đơn vị, cơ quan có lúc chưa kịp thời, chặt chẽ, hiệu quả phối hợp chưa cao.

B. Kết quả thực hiện các chính sách cụ thể

1. Việc thực hiện các chính sách tài khóa

1.1. Chính sách miễn, giảm thuế

a) Kết quả đạt được

* Chính sách giảm thuế giá trị gia tăng (GTGT): Trong 02 năm thực hiện Nghị quyết, tổng số thuế GTGT được giảm là 103,06 tỷ đồng. Cụ thể:

Kết quả giảm thuế GTGT năm 2022¹¹: Tổng số doanh nghiệp, tổ chức, cơ sở kinh doanh thực hiện giảm thuế suất thuế GTGT là 1.033 đơn vị với tổng số thuế được giảm là 74,3 tỷ đồng. Cụ thể:

- Thực hiện giảm 2% thuế suất thuế GTGT áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 10 % cho 386 đơn vị với tổng số tiền thuế GTGT được giảm là 73,4 tỷ đồng. Trong đó:

+ Nhóm phân phối, cung cấp hàng hóa: số thuế giảm là 15,8 tỷ đồng;

+ Nhóm sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: số thuế được giảm là 20,3 tỷ đồng;

+ Nhóm ngành dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu, số thuế

¹¹ Thực hiện giảm thuế theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (Số liệu giảm tính từ ngày 01/2 đến 31/12/2023).

được giảm là 37,3 tỷ đồng.

- Thực hiện giảm 20 % mức tỷ lệ % khi thực hiện xuất hóa đơn cho 647 NNT với tổng số thuế GTGT được giảm là 0,9 tỷ đồng. Trong đó:

- + Nhóm phân phối, cung cấp hàng hóa: số thuế được giảm là 0,2 tỷ đồng.
- + Nhóm sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: số tiền thuế được giảm là 0,4 tỷ đồng.
- + Nhóm ngành dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu, số tiền thuế được giảm là 0,3 tỷ đồng.

Kết quả giảm thuế GTGT năm 2023¹²: Tổng số doanh nghiệp, tổ chức, cơ sở kinh doanh thực hiện giảm thuế suất thuế GTGT là 666 đơn vị với tổng số thuế được giảm là 28,76 tỷ đồng. Cụ thể:

- Thực hiện giảm 2% thuế suất thuế GTGT áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 10 % cho 346 đơn vị với tổng số tiền thuế GTGT được giảm là 28,41 tỷ đồng. Trong đó:

- + Nhóm phân phối, cung cấp hàng hóa: số thuế giảm là 5,2 tỷ đồng;
- + Nhóm sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: số thuế được giảm là 8,41 tỷ đồng;
- + Nhóm ngành dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu, số thuế được giảm là 14,8 tỷ đồng.

- Thực hiện giảm 20% mức tỷ lệ % khi thực hiện xuất hóa đơn cho 320 NNT với tổng số thuế GTGT được giảm là 0,35 tỷ đồng. Trong đó:

- + Nhóm phân phối, cung cấp hàng hóa: số được giảm là 0,06 tỷ đồng.
- + Nhóm sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: số tiền thuế được giảm là 0,15 tỷ đồng.
- + Nhóm ngành dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu, số tiền thuế được giảm là 0,14 tỷ đồng.

Qua 02 năm triển khai thực hiện chính sách giảm thuế GTGT đã góp phần bình ổn giá cả, kích thích tiêu dùng, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, người dân trong bối cảnh dịch COVID-19 ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống và sản xuất kinh doanh, tạo động lực giúp doanh nghiệp, người dân sớm phục hồi và phát triển.

¹² Theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội (Số liệu giảm tính từ 01/7 đến kỳ kê khai tháng 11/2023 đối với người nộp thuế kê khai theo tháng và quý 3 năm 2023 đối với người nộp thuế kê khai theo quý, do kỳ kê khai tháng 12 và quý 4 năm 2023 các đơn vị chưa đến hạn nộp tờ khai).

* Chính sách cho phép tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19: Trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn không có phát sinh.

b) Hạn chế, khó khăn, nguyên nhân

Theo báo cáo của Cục Thuế tỉnh, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 về cơ bản không có khó khăn, vướng mắc. Tuy nhiên, chính sách giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 có tác động và ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, với tổng số thuế được giảm trong 02 năm thực hiện Nghị quyết là 103,06 tỷ đồng (cụ thể số thuế GTGT giảm năm 2022 tương ứng khoảng hơn 9,2 % so với dự toán giao; số giảm năm 2023 tương ứng khoảng 3,5 % so với dự toán giao) có ảnh hưởng tương đối lớn đối với một tỉnh còn nhiều khó khăn như Bắc Kạn, làm ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nói chung và khó khăn trong việc cân đối thu chi.

1.2. Về an sinh xã hội, lao động, việc làm

a) Kết quả đạt được

* Tổng số vốn Ngân hàng Chính sách Xã hội (NHCSXH) được cấp để thực hiện chính sách cho vay ưu đãi thuộc Chương trình là 481,6 tỷ đồng. Kết quả sử dụng vốn đến ngày 31/12/2023:

+ Cho 6.501 khách hàng vay vốn (trong đó cho vay quay vòng từ hộ vay trả nợ trước hạn là 3 tỷ đồng) với tổng doanh số cho vay là 484,6 tỷ đồng.

+ Có 6.174 khách hàng đang dư nợ với tổng dư nợ là 481,3 tỷ đồng.

* Chính sách cho vay hỗ trợ của NHCSXH (Lũy kế đến ngày 31/12/2023):

+ Giải quyết việc làm: Cho 5.049 người lao động vay vốn, với doanh số cho vay là 380 tỷ đồng. Dư nợ 380 tỷ đồng, với 5.049 người dư nợ.

+ Học sinh, sinh viên: Cho 1.195 học sinh, sinh viên vay vốn thông qua hộ gia đình với doanh số cho vay là 11,95 tỷ đồng. Dư nợ 11,25 tỷ đồng, với 1.125 học sinh, sinh viên của 873 hộ gia đình dư nợ.

+ Cơ sở giáo dục tiểu học, mầm non ngoài công lập: Cho 21 cơ sở vay với doanh số cho vay là 1,7 tỷ đồng. Dư nợ 0,9 tỷ đồng, với 20 cơ sở dư nợ.

+ Cá nhân vay để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo chính sách về nhà ở xã hội: Cho 236 hộ vay vốn với doanh số cho vay là 91 tỷ đồng. Dư nợ 89,1 tỷ đồng, với 232 hộ dư nợ.

* Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động:

UBND tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Kế hoạch số 248/KH-UBND ngày 20/4/2022 để triển khai thực hiện Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Quá trình triển khai thực hiện, chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan đã thường xuyên phối hợp rà soát người lao động có quan hệ lao động, đang ở thuê ở trọ, làm việc trong khu công nghiệp; hướng dẫn người lao động làm hồ sơ thủ tục hỗ trợ theo quy định. Kết quả, tổng số lao động được hỗ trợ tiền thuê nhà là 90 người/93 lượt hỗ trợ với số tiền 52.500.000 đồng (trong đó: hỗ trợ 81 lượt người lao động đang làm việc tại khu công nghiệp với số tiền 40.500.000 đồng; hỗ trợ 12 lượt người người lao động quay lại thị trường lao động với số tiền 12.000.000 đồng).

* Về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh:

- Tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có khả năng trả nợ, có khả năng phục hồi:

+ Các Chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất 2%/năm từ ngân sách nhà nước theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh (Nghị định số 31/2022/NĐ-CP) cho 06 khách hàng (gồm 03 hộ kinh doanh, 01 hợp tác xã, 02 doanh nghiệp) thuộc các lĩnh vực vận tải kho bãi, công nghiệp chế biến, chế tạo, với tổng doanh số cho vay được hỗ trợ lãi suất là 119,1 tỷ đồng, đến 31/12/2023 tổng số tiền lãi đã hỗ trợ là 551.495.987 đồng.

+ Tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với khách hàng vay vốn theo các chương trình tín dụng chính sách có lãi suất hiện hành trên 6% theo Nghị định số 36/2022/NĐ-CP ngày 30/5/2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội, nguồn vốn cho vay, cấp bù lãi suất và phí quản lý để Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, NHCSXH tỉnh đã thực hiện tạm quyết toán hỗ trợ lãi suất với số tiền là 28,6 tỷ đồng.

- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh triển khai Chương trình tín dụng 120.000 tỷ đồng cho vay ưu đãi phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo xây dựng lại chung cư theo Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/3/2023 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ và thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững. Tuy nhiên, đến nay chưa phát sinh cho vay do chưa có dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ.

- Triển khai các biện pháp hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn: Các Chi nhánh ngân hàng thương mại thực hiện theo Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn: Đến 31/12/2023, cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ cho 11 khách hàng, tổng giá trị nợ được cơ cấu là 70,6 tỷ đồng (trong đó gốc là 67,2 tỷ đồng, lãi là 3,4 tỷ đồng).

b) Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm

- Thực hiện chỉ tiêu cho vay cá nhân vay để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo chính sách về nhà ở xã hội tiến độ giải ngân còn chậm.

- Số khách hàng được hỗ trợ lãi suất 2% từ ngân sách nhà nước theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP còn ít. Nguyên nhân:

+ Hoạt động các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn, nhiều khoản nợ được cơ cấu,... dẫn đến việc khó đáp ứng các điều kiện hỗ trợ. Nhiều hộ kinh doanh vay vốn tại ngân hàng thương mại nhưng không có đăng ký hộ kinh doanh theo quy định nên không thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất¹³.

+ Các Chi nhánh ngân hàng thương mại gặp khó khăn trong đánh giá nội dung quy định “*có khả năng phục hồi*” tại Nghị quyết 43/2022/QH15 và khoản 4 Điều 3 Nghị định 31/2022/NĐ-CP¹⁴; bên cạnh đó khó xác định và tách ngành nghề, lĩnh vực được hỗ trợ lãi suất đối với doanh nghiệp hoạt động kinh doanh đa ngành nghề.

+ Một số khách hàng đủ điều kiện nhưng từ chối nhận hỗ trợ lãi suất, do tâm lý “*e ngại*” về công tác thanh, kiểm tra (nhất là các doanh nghiệp), cân nhắc giữa lợi ích từ hỗ trợ lãi suất 2% và chi phí bỏ ra khi nhận hỗ trợ lãi suất (theo dõi hồ sơ, chứng từ, tuân thủ các thủ tục hậu kiểm, thanh tra, kiểm toán, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

- Số người lao động của tỉnh được hưởng chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ còn ít. Do

¹³ Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh: “2. *Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được hỗ trợ lãi suất (sau đây gọi là khách hàng) thuộc một trong các trường hợp sau: a) Có mục đích sử dụng vốn vay thuộc một trong các ngành đã được đăng ký kinh doanh quy định tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, bao gồm: ...*”

¹⁴ Khoản 4 Điều 3 Nghị định 31/2022/NĐ-CP quy định nguyên tắc hỗ trợ lãi suất: “*Khách hàng có khả năng trả nợ, có khả năng phục hồi theo đánh giá nội bộ của ngân hàng thương mại, sử dụng vốn vay được hỗ trợ lãi suất đúng mục đích, có trách nhiệm trong việc phối hợp với ngân hàng thương mại thực hiện hỗ trợ lãi suất*”.

các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, số lượng người lao động thuê nhà ở không nhiều.

1.3. Chính sách đầu tư phát triển

a) Kết quả đạt được

UBND tỉnh Bắc Kạn đã thực hiện giao kế hoạch vốn năm 2022-2023 từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội cho các dự án theo đúng quy định, trong đó đã thực hiện ưu tiên để đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và hiện đại hoá hệ thống y tế của địa phương; đồng thời tỉnh cũng đã chủ động thực hiện điều hoà giữa các dự án của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội với dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn. Các dự án được giao kế hoạch vốn đều đảm bảo đủ thủ tục đầu tư theo quy định, cụ thể:

- Năm 2022: Tỉnh Bắc Kạn được giao bổ sung 110.000 triệu đồng kế hoạch vốn ngân sách trung ương cho 05 dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025¹⁵. Đến hết ngày 31/01/2023, giải ngân được 95.810 triệu đồng; số kế hoạch vốn còn lại 14.190 triệu đồng bố trí lại vốn ngân sách trung ương năm 2023 và các năm tiếp theo theo Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/5/2023 của Chính phủ.

- Năm 2023: Tỉnh Bắc Kạn đã thực hiện giao 154.000 triệu đồng cho 03 dự án mới thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội. Sau đó đã thực hiện điều chỉnh vốn giữa các dự án của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội với dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 với số kế hoạch vốn điều chỉnh là 88.100 triệu đồng. Số kế hoạch vốn năm 2023 còn lại của 03 dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội là 65.900 triệu đồng.

(1) Kết quả triển khai các dự án trong lĩnh vực y tế từ nguồn vốn thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội:

* Dự án Đầu tư xây dựng 04 trạm y tế tuyến xã: Năm 2023 dự án được giao kế hoạch vốn với số tiền là 15.151 triệu đồng, nguồn ngân sách trung ương (Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội) tại Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 và được điều chỉnh kế hoạch vốn tại Quyết định số 2006/QĐ-UBND ngày 02/11/2023. Đến 31/12/2023, đã giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh.

¹⁵ Đây là số kế hoạch vốn đã được giao trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong năm 2022 được Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung cho tỉnh để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, góp phần đưa các dự án sớm đi vào hoạt động.

Tại thời điểm giám sát, các dự án cơ bản gần hoàn thành/hoàn thành khối lượng thi công xây dựng.

* Dự án Đầu tư nâng cấp, cải tạo 03 Trung tâm y tế tuyến huyện: Năm 2023, dự án được giao kế hoạch vốn với số tiền là 50.349 triệu đồng, nguồn ngân sách trung ương (chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội) tại Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 và được điều chỉnh kế hoạch vốn tại các Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 13/9/2023; Quyết định số 2006/QĐ-UBND ngày 02/11/2023. Đến 31/12/2023, đã giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh.

Tại thời điểm giám sát, các công trình đang tổ chức thi công xây dựng, trong đó có 02 công trình thi công đạt từ 78% - 90% khối lượng¹⁶, 01 công trình thi công đạt khoảng 35% khối lượng¹⁷. Đối với hệ thống phòng cháy chữa cháy của 03 trung tâm y tế, khối lượng hoàn thành khoảng 45%. Đối với hạng mục thiết bị của các dự án, hiện nay đang thực hiện tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm lắp đặt thiết bị cung cấp: cấu hình, tính năng kỹ thuật trang thiết bị.

* Dự án đầu tư mua sắm bổ sung trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế tuyến huyện được phân bổ nguồn vốn là 53,5 tỷ đồng (tại Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của UBND tỉnh). Trên cơ sở tiến độ triển khai dự án, UBND tỉnh Bắc Kạn đã 03 lần điều chỉnh vốn¹⁸ xuống còn 400 triệu đồng. Đến 31/12/2023, đã giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh.

Hiện nay, Sở Y tế đang thực hiện các thủ tục mua sắm. Tuy nhiên, sau khi thực hiện báo giá lần 1 không thành, hiện nay Sở Y tế đã phối hợp với đơn vị tư vấn, điều chỉnh thông số kỹ thuật và đang thực hiện mời báo giá lần 2.

(2) Về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng

Thực hiện Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22/6/2023 của Quốc hội về phân bổ vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2023 của các Chương trình mục tiêu quốc gia¹⁹, Văn bản số 5507/BKHĐT-TH ngày

¹⁶ Công trình Trung tâm Y tế huyện Chợ Đồn, Trung tâm Y tế huyện Na Rì.

¹⁷ Công trình Trung tâm Y tế huyện Ba Bể.

¹⁸ - Điều chỉnh lần 1 từ 53,5 tỷ xuống còn 28,5 tỷ đồng (tại Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 13/9/2023).

- Điều chỉnh lần 2 từ 28,5 tỷ đồng xuống còn 16,4 tỷ đồng (tại Quyết định số 2006/QĐ-UBND ngày 02/11/2023).

- Điều chỉnh lần 3 từ 16,4 tỷ đồng xuống còn 400 triệu đồng (tại Quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 14/11/2023).

¹⁹ Cho phép điều chỉnh vốn giữa các nhiệm vụ, dự án của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội với các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được bố trí vốn trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 theo quy định tại Điều 67 của Luật Đầu tư công và bố trí nguồn vốn thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các nhiệm

13/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao vốn, hoàn thiện thủ tục đầu tư các nhiệm vụ, dự án của Chương trình phục hồi và phát triển KTXH, kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025 và điều chỉnh kế hoạch vốn trong dự toán năm 2023, UBND tỉnh Bắc Kạn đã thực hiện điều chỉnh vốn giữa các nhiệm vụ, dự án của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội với các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (các dự án theo Phụ lục).

b) Tồn tại, hạn chế, khó khăn, nguyên nhân và trách nhiệm

- Tiến độ tham mưu triển khai thực hiện các dự án thuộc Chương trình phục hồi phát triển kinh tế xã hội lĩnh vực y tế còn chậm so với kế hoạch đề ra, phải điều chỉnh giảm nguồn kinh phí được giao năm 2023 và đề xuất chuyển nguồn sang năm 2024 thực hiện. Đặc biệt một số dự án tiến độ triển khai chậm như công trình Trung tâm Y tế huyện Ba Bể và hệ thống phòng cháy chữa cháy của 03 trung tâm y tế; dự án đầu tư mua sắm bổ sung trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Bắc Kạn vẫn chưa thực hiện được.

- Trong quá trình thi công xây dựng các Trạm y tế xã và nâng cấp, cải tạo các Trung tâm y tế được xây dựng trên khuôn viên cũ, phải thực hiện các thủ tục thanh lý, phá dỡ, bàn giao tài sản, đồng thời phải đảm bảo thực hiện song song công tác thi công xây dựng và điều kiện tối thiểu cho hoạt động của các Trạm y tế, Trung tâm y tế, một số hạng mục không thể thi công đồng thời nên làm chậm tiến độ của dự án. Ngoài ra, trong quá trình thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy (PCCC) yêu cầu phải bổ sung hồ sơ thiết kế công trình cũ đã được thẩm duyệt về thiết kế PCCC, tuy nhiên các công trình thi công đưa vào sử dụng đã lâu hồ sơ lưu trữ các công trình cũ không được đầy đủ. Nhiều hạng mục công trình hiện trạng không đảm bảo các yêu cầu về PCCC theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành do đó phải thiết kế nhiều giải pháp khắc phục bổ sung, dẫn đến thời gian thẩm duyệt thiết kế hệ thống PCCC công trình bị kéo dài.

- Đối với dự án đầu tư mua sắm bổ sung trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế tuyến huyện:

+ Thông tư số 14/2023/TT-BYT của ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập (Thông tư số 14/2023/TT-BYT), một số nội dung hướng dẫn chưa rõ ràng, đồng nhất nên khi thực hiện các đơn vị còn nhiều lúng túng và vướng mắc²⁰.

vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong các năm 2024, 2025 để hoàn thành các dự án theo đúng Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội.

²⁰ - Tại khoản b, Điều 3 Thông tư số 14/2023/TT-BYT có quy định: Chủ đầu tư đăng tải yêu cầu báo giá theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này trên Hệ thống mạng đấu thầu

+ Danh mục trang thiết bị y tế cần mua sắm lớn (77 danh mục) và có nhiều hệ thống, có các loại modul, thiết bị khác nhau nên việc xây dựng, kiểm tra, đối chiếu về thông số kỹ thuật, về sự hợp lệ của báo giá của các công ty/đơn vị cung cấp đảm bảo phù hợp với nhu cầu chuyên môn và nguồn kinh phí được phân bổ mất nhiều thời gian và phụ thuộc vào tiến độ thực hiện của đơn vị tư vấn. Bên cạnh đó, trong quá trình triển khai thực hiện, công tác tham mưu triển khai thực hiện dự án còn hạn chế, chưa đánh giá, nhận định được các tình huống phát sinh, chưa kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, điều chỉnh Danh mục trang thiết bị y tế cần mua sắm để thuận lợi cho việc đấu thầu và tổ chức mua sắm.

+ Việc lựa chọn đơn vị tư vấn thẩm định giá và tiến độ thực hiện phụ thuộc vào đơn vị tư vấn thẩm định giá (sau khi đơn vị thực hiện thẩm định giá có kết quả thẩm định mới đủ cơ sở thực hiện bước tiếp theo).

2. Việc thực hiện các chính sách tiền tệ

a) Kết quả đạt được

- Tình hình và kết quả thực hiện mục tiêu giảm lãi suất cho vay trong 02 năm 2022 và 2023:

Trong 02 năm 2022 - 2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thực hiện 06 lần điều chỉnh mức lãi suất điều hành hợp lý, đồng bộ theo đúng diễn biến của thế giới và tình hình trong nước²¹. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh chỉ đạo các chi nhánh tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí hoạt động, tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, các quy trình, thủ tục nội bộ đã đơn giản hoá và triển khai các giải pháp khác để có điều kiện tiếp tục giảm lãi suất cho vay đối với cả khoản vay mới và dư nợ hiện hữu, tạo thuận lợi cho

quốc gia hoặc trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của Chủ đầu tư hoặc Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế hoặc công dịch vụ công trực tuyến về quản lý trang thiết bị y tế (<https://dmec.moh.gov.vn>). Trong quá trình thực hiện, chỉ thực hiện công khai được trên Cổng thông tin điện tử của Sở Y tế, Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh. Đối với Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, công dịch vụ công trực tuyến về quản lý trang thiết bị y tế, đến thời điểm Thông tư hết hiệu lực (01/01/2024) chưa cho phép các đơn vị đăng tải báo giá nên một số đơn vị cung cấp chưa tiếp cận được với nội dung của Báo giá để thực hiện báo giá.

- Việc khảo sát giá trúng thầu của hàng hóa, dịch vụ tương tự trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (<https://muasamcong.gov.vn>) quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Thông tư số 14/2023/TT-BYT không thực hiện được do các chủ đầu tư khi đăng tải kết quả đấu thầu thường không đăng tải chi tiết thông số kỹ thuật của hàng hóa, hoặc có đăng tải nhưng thiết bị không tương đương với cấu hình, thông số kỹ thuật đã xây dựng nên không thể đối chiếu, lấy báo giá từ hệ thống này.

²¹ Năm 2022, thực hiện điều chỉnh tăng 02 lần: các mức lãi suất điều hành tăng 2%; các mức lãi suất tiền gửi tối đa bằng VND kỳ hạn dưới 6 tháng tại TCTD tăng 0,8-2%/năm; mức lãi suất cho vay tối đa bằng VND đối với một số lĩnh vực ưu tiên tăng 1%/năm.

Năm 2023, thực hiện điều chỉnh giảm 04 lần: các mức lãi suất điều hành giảm 1,5-2,0%/năm; các mức lãi suất tiền gửi tối đa bằng VND kỳ hạn dưới 6 tháng tại TCTD với giảm 0,5-1,25%/năm; mức lãi suất cho vay tối đa bằng VND đối với một số lĩnh vực ưu tiên giảm 1,5%/năm.

khách hàng trong tiếp cận tín dụng nhằm chia sẻ, hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ, vượt qua khó khăn.

Các chi nhánh ngân hàng thương mại đã tích cực thực hiện các biện pháp nhằm giảm mức lãi suất cho vay, hiện nay lãi suất cho vay bằng VND phổ biến ở mức 7,5-10%/năm, giảm khoảng từ 1,5% đến 2% so với cuối năm 2022 (năm 2022, lãi suất cho vay bằng VND phổ biến ở mức 9,5-12%/năm). Đối với các lĩnh vực ưu tiên, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam giảm từ 5,5%/năm xuống 4,0%/năm.

- Tốc độ giải ngân cho các đối tượng thụ hưởng gói hỗ trợ lãi suất: Hàng tháng, các chi nhánh ngân hàng thương mại trừ trực tiếp số lãi suất được hỗ trợ trong tổng số lãi suất khách hàng phải trả.

- Tình hình tái cấp vốn đối với NHCSXH để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất cho người lao động: Từ khi triển khai đến hết ngày 31/3/2022, Chi nhánh đã thực hiện giải ngân cho vay 461 triệu đồng, cho 06 người sử dụng lao động vay vốn hỗ trợ trả lương cho 144 lượt người lao động. Dư nợ đến nay là 0 đồng.

b) Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm

Số người sử dụng lao động vay vốn hỗ trợ trả lương ngừng việc thấp, Chi nhánh NHCSXH tỉnh đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị tuyên truyền, triển khai chính sách cho 454 người sử dụng lao động, tuy nhiên kết quả chỉ có 06 người sử dụng lao động được vay vốn. Nguyên nhân các đối tượng không có nhu cầu vay do số tiền được vay thấp; một số ít đối tượng có nhu cầu nhưng không đủ điều kiện vay.

3. Việc áp dụng cơ chế đặc thù: Không có

4. Việc thực hiện các chính sách khác

a) Kết quả đạt được

* Tình hình sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam để phát triển hạ tầng viễn thông, internet:

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh, mạng lưới viễn thông đã kết nối thông suốt 3 cấp phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị, địa phương, đáp ứng cơ bản nhu cầu ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của người dân, doanh nghiệp.

Thực hiện Chương trình Viễn thông công ích theo Thông tư số 14/2022/TT-BTTTT ngày 28/10/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định danh mục, chất lượng dịch vụ viễn thông công ích và hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025, tỉnh Bắc Kạn

phủ được 03 thôn trắng sóng thông qua Chương trình viễn thông công ích giai đoạn 2021 - 2023; Hỗ trợ 307 cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trạm y tế xã, điểm cung cấp dịch vụ internet băng rộng cho cộng đồng dân cư đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ internet băng rộng cố định mặt đất; Hỗ trợ 16.762 hộ gia đình được sử dụng thuê bao internet, trong đó: thuê bao di động 9.974 hộ, số hộ sử dụng cáp quang internet là 6788 hộ.

* Kết quả thực hiện Chương trình “*Sóng và máy tính cho em*”:

Thực hiện Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 03/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tổ chức dạy học an toàn, bảo đảm chương trình và mục tiêu chất lượng giáo dục, đào tạo ứng phó với đại dịch COVID-19 và các văn bản liên quan, UBND tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Kế hoạch số 288/KH-UBND ngày 05/5/2022 về việc triển khai Chương trình “*Sóng và máy tính cho em*” trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Chương trình, UBND tỉnh đã tiếp nhận ủng hộ của các tổ chức, cá nhân 251 máy tính trong đó có 100 máy tính xách tay và 151 máy tính bảng, theo đó đã thực hiện phân bổ cho các đơn vị. Tiếp nhận số tiền ủng hộ 50.834.179 đồng từ các tổ chức, cá nhân²².

b) Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và trách nhiệm

- Với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh, số lượng doanh nghiệp đặc biệt doanh nghiệp lớn ít nên việc huy động, ủng hộ tại địa phương có những khó khăn nhất định.

- Tỉnh Bắc Kạn chưa nhận được máy tính phân bổ từ Quỹ Viễn thông công ích nên số lượng máy tính nhận được còn rất hạn chế. Mặc dù tỉnh đã chuyển số tiền tiếp nhận ủng hộ (50.834.179 đồng) về Công đoàn Bộ Giáo dục và Đào tạo để Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp thực hiện mua sắm chung và phân bổ máy tính từ nguồn tài trợ của Quỹ Viễn thông công ích (*Trong quá trình thực hiện mua sắm máy tính tại địa phương bằng nguồn tiền trên, không có đơn vị cung cấp máy tính đảm bảo về giá và thông số kỹ thuật theo Công văn số 3693/BTTTT-CNTT ngày 23/9/2021 của Bộ Thông tin và truyền thông*).

- Một số thôn khu vực khó khăn chưa có điện, đến nay chưa phủ sóng di động, sóng 3G, 4G và chưa có đường truyền internet nên việc triển khai Chương trình, sử dụng thiết bị còn nhiều bất cập.

- Việc tổng hợp danh sách hộ nghèo và hộ cận nghèo cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Chương trình viễn thông công ích triển khai theo Thông tư

²² Các nguồn tài trợ: Công ty TNHH Công nghệ Huawei Việt Nam: 100 máy tính bảng; Báo Nhân Dân: 50 máy tính bảng; Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ và Tin học 3C: 100 máy tính xách tay; Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Kạn: 01 máy tính bảng; Nguồn huy động từ các cơ quan: 50.834.179 đồng.

14/2022/TT-BTTTT còn bị sai thông tin, do chưa có dữ liệu đối soát với cơ sở dữ liệu về dân cư, làm ảnh hưởng đến việc xác nhận đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ thuê bao internet trên địa bàn tỉnh.

- Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin của một số cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp còn hạn chế. Số công chức, viên chức chuyên trách về chuyên đổi số, an toàn thông tin trong các cơ quan, đơn vị thấp.

III. GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Quốc hội

Tiếp tục triển khai những chính sách thuộc Chương trình phù hợp, phát huy hiệu quả trong thực tiễn. Trong đó cần tập trung các chương trình hỗ trợ, chương trình tín dụng, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và người dân để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh. Tháo gỡ các khó khăn cho doanh nghiệp trong sản xuất, kinh doanh thông qua các chính sách về giãn hoãn thời gian trả nợ, giảm lãi vay; xem xét tiếp tục thực hiện chính sách giảm 2% thuế suất thuế GTGT trong năm 2024 như nội dung chính sách giảm thuế GTGT đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Nghị quyết số 101/2023/QH15, nhằm thực hiện mục tiêu kích cầu tiêu dùng, phù hợp với bối cảnh kinh tế hiện nay, qua đó góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh sớm phục hồi và phát triển để đóng góp trở lại cho ngân sách Nhà nước cũng như nền kinh tế.

2. Đối với Chính phủ

- Xem xét, có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng viễn thông đến các vùng kinh tế khó khăn như: Miễn giảm thuế đường cột điện lực treo cáp viễn thông, hỗ trợ về giải phóng mặt bằng đất xây dựng trạm phát sóng.

- Chỉ đạo các Bộ, ngành sớm ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 của Quốc hội để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện. Đặc biệt là các nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương theo quy định tại Chương V- Mua sắm tập trung; mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; cung cấp sản phẩm, dịch vụ công để các cơ sở khám chữa bệnh và các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện, đảm bảo việc cung ứng dịch vụ cho người dân.

- Sớm có hướng dẫn tháo gỡ vướng mắc trong thanh toán, quyết toán đối với việc mua sắm thuốc, hóa chất, sinh phẩm, thiết bị, vật tư y tế phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 đã thực hiện dưới các hình thức tạm ứng, vay, mượn, huy động và tiếp nhận tài trợ, viện trợ từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2022 theo yêu cầu Nghị quyết số 99/2023/QH15 của Quốc hội giám sát

chuyên đề về việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19; việc thực hiện chính sách, pháp luật về y tế cơ sở, y tế dự phòng.

3. Đối với các bộ, ngành

- Đề nghị Bộ Y tế cùng các Bộ, ngành liên quan sớm ban hành các văn bản hướng dẫn cập nhật, sửa đổi, bổ sung danh mục trang thiết bị y tế và hướng dẫn thông tin trang thiết bị phải kê khai giá để các địa phương có đủ cơ sở triển khai thực hiện.

- Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp tục quan tâm, triển khai hiệu quả Chương trình “*Sóng và máy tính cho em*” trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Bộ Thông tin và Truyền thông quan tâm, có giải pháp phủ sóng các thôn còn “*lõm sóng*”; hỗ trợ, phân bổ máy tính trên địa bàn tỉnh từ Quỹ dịch vụ viễn thông công ích.

4. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

- Tập trung thực hiện các nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội trên các lĩnh vực, có giải pháp đảm bảo đạt thu ngân sách của tỉnh, triển khai đồng bộ các giải pháp giải ngân vốn đầu tư công, các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 ngay từ đầu năm. Đồng thời tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo hoàn thành các dự án trong lĩnh vực y tế từ nguồn vốn thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là dự án đầu tư mua sắm bổ sung trang thiết bị cho 08 Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Bắc Kạn; công trình Trung tâm Y tế huyện Ba Bể thuộc Dự án Đầu tư nâng cấp, cải tạo 03 Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Bắc Kạn; đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn vốn được giao. Chỉ đạo chủ đầu tư các dự án trong tổ chức quản lý, giám sát thi công công trình, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở đơn vị thi công, đảm bảo chất lượng công trình khi đưa vào sử dụng.

- Tiếp tục quan tâm chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả các giải pháp thực hiện chính sách về an sinh xã hội, lao động, việc làm. Đẩy mạnh triển khai các chương trình tín dụng chính sách ưu đãi nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân; triển khai quyết liệt, đồng bộ, có hiệu quả các biện pháp phòng ngừa, hạn chế tối đa việc phát sinh mới nợ xấu.

- Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm trong và ngoài nước, mở rộng thị trường xuất khẩu thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, chú trọng hỗ trợ nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và xuất khẩu.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết các thủ tục hành chính, nhất là dịch vụ công trực tuyến. Nâng cao chất lượng công vụ, trình độ cho đội ngũ công chức, viên chức trong tham mưu nhiệm vụ được giao.

Trên đây là Báo cáo kết quả giám sát chuyên đề “*Việc thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội*” trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (B/c);
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Các vị ĐBQH tỉnh khóa XV;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tin và Truyền thông; Cục Thuế; Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Trung tâm y tế thành phố Bắc Kạn, Trung tâm y tế huyện Chợ Đồn;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Các phòng: CTQH, CTHĐND;
- Lưu: VT, HSGS (Hoa).

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN

Hồ Thị Kim Ngân